



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



<b>Mục Lục</b>	<b>Trang</b>
<b>Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>	4
<b>Điểm nhấn FPT Telecom năm 2020</b>	6
<b>Tổng quan</b>	
• Giới thiệu công ty	8
• Lịch sử hình thành và phát triển	9
• Ngành nghề kinh doanh	10
• Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	14
• Công ty con	15
• Giới thiệu Ban lãnh đạo	16
• Định hướng phát triển giai đoạn 2021-2023	21
 <b>Tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021</b>	
• Tình hình tài chính nổi bật 2020	23
• Báo cáo của Ban điều hành	25
• Báo cáo của Hội đồng Quản trị	30
• Kế hoạch năm 2021	31
 <b>Quản trị Công ty</b>	
• Hoạt động của Hội đồng Quản trị	33
• Hoạt động của Ban Kiểm soát	35
• Quan hệ Nhà đầu tư	36
• Phát triển bền vững	38
 <b>Báo cáo tài chính 2020</b>	42



# FPT TELECOM 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

# THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư  
và Quý Khách hàng!**

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, kính chúc Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý Khách hàng sức khỏe và hạnh phúc. Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua.

Năm 2020 là một năm đáng nhớ với nhiều khó khăn khủng hoảng liên tiếp xảy ra nhưng cũng là năm FPT Telecom ghi dấu mạnh mẽ bởi khả năng linh hoạt thích nghi, vững vàng vượt bão và giữ vững mức tăng trưởng. Để có được những thành quả ấn tượng ở trên chính nhờ sự sáng tạo trong công việc và chính sách quản trị hiệu quả của tập thể cán bộ nhân viên, Ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị Công ty.

Sự sáng tạo của Cán bộ nhân viên FPT Telecom được thể hiện rõ ràng nhất qua việc nâng cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ. Giai đoạn đầu năm, FPT Telecom đối mặt với "khủng hoảng kép" từ Covid-19 và sự cố đứt cáp quang nghiêm trọng. Công ty đã linh hoạt chuyển đổi hình thức kinh doanh, đẩy mạnh Chuyển đổi số để duy trì hoạt động hiệu quả. Nắm bắt tâm lý và nhu cầu từ nhóm Khách hàng doanh nghiệp và Khách hàng cá nhân trong mùa dịch, FPT Telecom đã cho ra mắt loạt giải pháp công nghệ mới như FPT VPN - dịch vụ ưu tiên kết nối dựa trên công nghệ mạng riêng ảo, giúp người dùng duy trì truy cập Internet với chất lượng tốt nhất, FTI CLOUD DESKTOP - giải pháp làm việc từ xa hiệu quả và có độ bảo mật cao, FPT Camera, Ví điện tử Foxpay,... Đồng thời, triển khai hàng loạt chương trình Chăm sóc Khách hàng như Khách hàng thân thiết FoxGold, Giới thiệu Bạn bè và nhận được nhiều phản hồi tích cực.

Bên cạnh đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ mới, FPT Telecom cũng phát huy năng lực quản trị hiệu quả qua các chiến dịch thi đua ấn tượng. Nửa cuối 2020, liên tiếp các chiến dịch thi đua nội bộ được triển khai, không chỉ thúc đẩy hoạt động mạnh mẽ trên các phương diện Kinh doanh, Kỹ thuật, Dịch vụ mà còn là "chất xúc tác" kích thích tinh thần sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và tinh thần đoàn kết của mỗi cán bộ nhân viên. Đặc biệt phải kể đến chiến dịch "Toàn dân bán hàng", giúp Công ty tăng thêm 30% nguồn nhân sự bán hàng, đóng góp thêm hàng chục tỷ đồng doanh thu.

Dù làm việc tập trung hay tạm thời phân tách do dịch bệnh, tinh thần làm việc, cống hiến hết mình luôn được tập thể cán bộ công nhân viên duy trì và tạo nên những thành tích nổi bật.

Năm vừa qua, FPT Telecom tiếp tục khẳng định uy tín của mình bằng những giải thưởng quan trọng như: Nhà cung cấp dịch vụ Internet Cố định được khách hàng hài lòng nhất về Chất lượng Dịch vụ và Chăm sóc Khách hàng năm 2020" (IDG), Top 10 thương hiệu được tin dùng nhất 2020 tại Diễn đàn Tiêu dùng VN 2020, Top 10 doanh nghiệp Công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam 2020, Top 10 doanh nghiệp ASIA tiêu biểu, 02 Giải thưởng hạng mục "Giải pháp ứng dụng cho công dân/cộng đồng thông minh" thuộc Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2020 cho 2 sản phẩm: Truyền hình FPT và FPT Play Box.

Với sự sáng tạo và chính sách quản trị hiệu quả, kết thúc năm 2020 Công ty đạt 11.466 tỷ đồng doanh thu thuần và 2.074 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng lần lượt 10,3% và 14,7% so với năm 2019. Hầu hết các mảng kinh doanh đều có kết quả tăng trưởng so với cùng kỳ, biên lợi nhuận ròng đạt 14,5% và EPS Công ty đạt 5.165 đồng, tăng 18,1% so với năm 2019.

Bước sang năm 2021, Công ty đặt kế hoạch doanh thu là 12.700 tỷ đồng, tăng trưởng 10,8% so với năm 2020 và lợi nhuận trước thuế là 2.380 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm 2020. Với sự nhiệt huyết, tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, chúng tôi quyết tâm sẽ hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

Rất mong Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi, hướng đến tương lai, nâng thương hiệu FPT Telecom lên tầm cao mới.

**Trân trọng!**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**HOÀNG NAM TIẾN**





## ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM NĂM 2020



**11.466 tỷ**

**Doanh thu thuần**  
Tăng trưởng 10.3% YoY



**2.074 tỷ**

**Lợi nhuận trước thuế**  
Tăng trưởng 14,7% YoY



**16.081 tỷ**

**Tổng tài sản**  
Tăng trưởng 20,6% YoY



**5.078 tỷ**

**Vốn chủ sở hữu**  
Tăng trưởng 1,1% YoY



**5.165đ/cp**

**EPS**



**295**

**Văn phòng  
và điểm giao dịch**



**9.568**

**Cán bộ  
công nhân viên**



### CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- ★ Giải thưởng "Nhà cung cấp dịch vụ Internet Cố định được khách hàng hài lòng nhất về Chất lượng Dịch vụ và Chăm sóc Khách hàng năm 2020" của IDG.
- ★ 3 Danh hiệu Sao Khuê 2020 cho Hi FPT, FPT OnCall, FPT iHome.
- ★ TOP 10 Doanh nghiệp Hạ tầng số xuất sắc 2020 - Chương trình Top 10 Doanh nghiệp CNTT Việt Nam 2020.
- ★ TOP 10 Doanh nghiệp tiêu biểu ASIA/ ASIA Typical Enterprise.
- ★ 02 Giải thưởng hạng mục "Giải pháp ứng dụng cho công dân/cộng đồng thông minh" thuộc Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2020 cho 2 sản phẩm: Truyền hình FPT và FPT Play - FPT Play Box.
- ★ Giải thưởng hạng mục "Giải pháp an ninh, an toàn, cấp cứu, cứu nạn" thuộc Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2020 cho sản phẩm FPT Camera
- ★ TOP Doanh nghiệp niêm yết có Năng lực cạnh tranh tốt nhất năm 2019 - Vietnam the Best Company.



### CÁC CHỨNG CHỈ TIÊU BIỂU





# TỔNG QUAN VỀ FPT TELECOM

*Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh công nghệ đã giúp FPT Telecom phát triển nội lực và niềm tin để thực thi Chiến lược Đem tới các trải nghiệm tuyệt vời cho khách hàng – Amazing Customer Experience, đưa FPT Telecom tiên phong trở thành Digital Service Provider có trải nghiệm khách hàng vượt trội, tốt nhất tại Việt Nam.*



## GIỚI THIỆU CÔNG TY



<b>Tên công ty:</b>	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)
<b>Mã chứng khoán:</b>	FOX
<b>Vốn điều lệ:</b>	2.736.464.610.000 đồng
<b>GCNĐKDN:</b>	0101778163
<b>Trụ sở chính:</b>	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
<b>Văn phòng Hà Nội:</b>	Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
<b>Văn phòng Đà Nẵng:</b>	182 – 184 Đường 2 tháng 9, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
<b>Văn phòng Hồ Chí Minh:</b>	Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
<b>Điện thoại:</b>	(84-24) 7300 2222
<b>Fax:</b>	(84-24) 7300 8889
<b>Website:</b>	<a href="http://www.fpt.vn">www.fpt.vn</a>



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Năm 1997

Ngày 31/01/1997 trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX - tiền thân của FPT Telecom) được thành lập tại Hà Nội với sản phẩm mang trí tuệ Việt Nam.

### Năm 2001

Ra mắt báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam VnExpress.net.

### Năm 2002

Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).

### Năm 2005

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (FPT Telecom).

### Năm 2007

Mở rộng phạm vi hoạt động trên toàn quốc. Trở thành thành viên chính thức của liên minh AAG.

### Năm 2008

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam.

### Năm 2009

Đạt mốc doanh thu 100 triệu USD.

### Năm 2012

Hoàn thiện tuyến trục Bắc Nam với tổng chiều dài 4.000 km, đi qua 30 tỉnh thành.

### Năm 2013

Tham gia cung cấp dịch vụ Truyền hình IPTV với thương hiệu truyền hình FPT.

### Năm 2014

FPT Telecom có mặt trên đất nước Myanmar. Là một trong những đơn vị dẫn đầu trong chuyển đổi IPv6.

### Năm 2016

Khai trương Trung tâm dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam. Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.

### Năm 2017

Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM.  
Ra mắt gói dịch vụ Internet tốc độ nhanh nhất Việt Nam SOC – 1Gbps.

### Năm 2018

Hoàn thiện việc quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc. Ra mắt Box truyền hình 4K, Voice remote.

### Năm 2019

Năm đầu tiên áp dụng OKRs đẩy mạnh năng suất làm việc và phát triển con số kinh doanh. Ra mắt hàng loạt các sản phẩm dịch vụ nổi bật: FPT Camera, iHome, HBO GO, Foxy...

### Năm 2020

Ra mắt hàng loạt sản phẩm lớn như Ví điện tử Foxpay, F.safe, F.work, F.Drive, bộ giải mã FPT TV 4K FX6 của Truyền hình FPT, chương trình khách hàng thân thiết FOXGOLD cùng nhiều giải pháp online để hỗ trợ mùa dịch Covid 19 như đăng ký online, giới thiệu bạn bè, hỗ trợ bảo trì online...



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



### CUNG CẤP HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet).
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế, dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet.
- Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Hoạt động viễn thông có dây.



### DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH, GIẢI TRÍ, DỊCH VỤ GTGT VÀ NỘI DUNG SỐ

- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Internet, dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV theo Giấy phép số 239/GP-BTTTT.
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.
- Hoạt động hậu kỳ, hoạt động chiếu phim, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyển giao công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông.



### CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xuất bản phần mềm, các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Sản xuất thiết bị truyền thông, công thông tin, quảng cáo.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
- Xây dựng công trình công ích khác: xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.

## CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO



### INTERNET FPT

Với sự bùng nổ mạnh mẽ về nội dung trên nền tảng trực tuyến, Internet giờ đây không chỉ đơn thuần sử dụng như công cụ đọc tin tức, kết nối mọi người, mà còn là nền tảng để trao đổi dữ liệu, đăng tải thông tin, làm việc trực tuyến,... Đứng trước nhu cầu sử dụng ngày một tinh tế hơn từ người dùng, FPT Telecom cung cấp nhiều gói cước Internet cáp quang với tốc độ truy cập từ 25Mbps trở lên, đáp ứng tiêu chí nhanh về cả tốc độ đường truyền, sự nhanh nhạy bắt kịp xu thế công nghệ cũng như phương châm phục vụ khách hàng 24/7.



### TRUYỀN HÌNH FPT

Là một trong 3 nhà cung cấp dịch vụ truyền hình thông qua giao thức kết nối Internet băng thông rộng lớn nhất Việt Nam hiện nay. Truyền hình FPT sử dụng công nghệ hiện đại đem đến người dùng những trải nghiệm giải trí tuyệt vời nhất, những tiện ích giải trí đa dạng, tính tương tác cao. Chương trình đa dạng phong phú với gần 200 kênh trong nước và quốc tế với chất lượng hình ảnh sắc nét, âm thanh sống động.



Tháng 10/2020, Truyền hình FPT cho ra mắt Bộ giải mã truyền hình thế hệ thứ 4 mang tên gọi FPT TV 4K FX6, với nhiều cải tiến đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, khác biệt của người dùng. Không chỉ dừng lại ở đó, nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu giải trí của khách hàng đặc biệt là đối tượng khách hàng trẻ, Truyền hình FPT còn cung cấp ứng dụng di động FOXy hỗ trợ xem Truyền hình FPT mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị cầm tay bao gồm điện thoại di động và máy tính bảng.



### FPT PLAY BOX

FPT Play Box là hộp giải trí gia đình đáp ứng nhu cầu xem phim truyền hình và giải trí theo xu hướng mới, nội dung hay, xem mỗi ngày và không mất phí thuê bao hàng tháng.

FPT Play Box là giải pháp truyền hình Internet thế hệ mới đem lại cho khách hàng trải nghiệm xem truyền hình "không bị giới hạn" về nội dung, không gian, thời gian, thiết bị, nhà mạng...



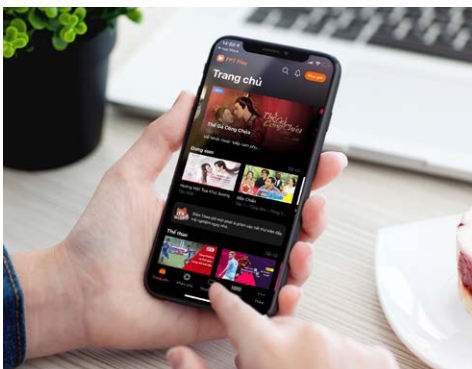
### KÊNH THUÊ RIÊNG (LEASED LINE)

Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



### TRUNG TÂM DỮ LIỆU (DATA CENTER)

Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.



### DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN

**ONLINE MEDIA:** Hệ thống báo điện tử VNExpress với hơn 15 tỷ lượt xem mỗi ngày.

**FPT PLAY:** Là ứng dụng giải trí đa phương tiện, cho phép xem truyền hình trực tuyến, phim truyện, thể thao, ca nhạc trên nhiều nền tảng khác nhau (mobile, web, Smart TV) trên mọi nền tảng như Windows, Web, Iphone IOS, Android và mọi loại thiết bị như Smartphone, SmartTV, Android TV, Smart TV Box...



**FPT PLAY ROGO:** Là giải pháp hỗ trợ người dùng điều khiển tương tác với thiết bị trong gia đình thông qua giọng nói. Sản phẩm có thể kết nối với các hệ sinh thái tương tác giọng nói có sẵn trên thị trường như Google Home, Alexa... và kết nối với các sản phẩm IoT của các hãng như Điện Quang, Rạng Đông...

**ỨNG DỤNG MUA SẮM TRỰC TUYẾN - OMNI SHOP:** Ứng dụng có chức năng mua sắm bằng giọng nói, những chương trình ưu đãi trực tiếp từ các đối tác FPT Shop, Coop Mart, Golden Gate... giúp người dùng FPT Play thỏa mãn nhu cầu mua sắm cho gia đình và bản thân.



**FSHARE:** Là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tài nguyên trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam hiện nay với nền tảng công nghệ điện toán đám mây (cloud computing) với dung lượng, hệ thống lưu trữ tốt nhất đặt tại các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế của FPT.

**FSEND:** Là dịch vụ gửi tập tin tốc độ cao, hỗ trợ dung lượng lớn đến 20GB qua email mà không cần đăng ký tài khoản.

### VÍ ĐIỆN TỬ FOXPAY

Là nền tảng thanh toán điện tử đáp ứng tiêu chuẩn Bảo mật quốc tế PCI DSS cấp độ cao nhất, đem đến trải nghiệm vượt trội và an toàn nhất cho khách hàng với những tính năng thanh toán hóa đơn điện nước, dịch vụ truyền hình, thẻ cào điện thoại, chuyển tiền...



## SMART HOME

### FPT CAMERA:

Cung cấp dịch vụ camera hỗ trợ giám sát an toàn và bảo mật thông tin. FPT Camera cam kết ổn định về tín hiệu, chất lượng hình ảnh cao, kết nối với nhiều thiết bị di động, sử dụng lưu trữ Cloud. FPT luôn đồng hành cùng khách hàng trên mọi hoạt động từ bảo hành, bảo trì đến dịch vụ hỗ trợ trực tuyến 24/7.

### IHOME:

Là thiết bị cảnh báo đột nhập, giúp khách hàng theo dõi tình trạng căn nhà mỗi khi đi vắng. Sản phẩm có thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt dễ dàng và phù hợp lắp đặt trên nhiều loại cửa khác nhau.







## CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## CÔNG TY CON



### CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác

### CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



### CÔNG TY CP VIỄN THÔNG CÔNG NGHỆ FPT

Vốn điều lệ: 276.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

### CÔNG CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Vốn điều lệ: 184.712.750.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 56,36%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử

**VNEXPRESS**

Báo tiếng Việt nhiều người xem nhất



## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **HOÀNG NAM TIẾN**

**Chủ tịch HĐQT**

**Năm sinh:**

1969

**Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp trong Tập đoàn. Ông giữ vị trí Chủ tịch FPT Software trong giai đoạn 2012-2020. Trong 8 năm liên tục dưới sự dẫn dắt của ông, FPT Software đã trở thành 1 trong 500 công ty phần mềm lớn nhất trên thế giới và lọt vào top 100 nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu thế giới. Tháng 3/2020, ông được bầu làm Chủ tịch FPT Telecom. Ông đã có nhiều cải tiến và những chính sách quyết liệt giúp FPT Telecom đã đứng vững qua giai đoạn khủng hoảng và duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp Viễn thông hàng đầu Việt Nam.



Ông **TRƯƠNG GIA BÌNH**

**Thành viên HĐQT**

**Năm sinh:**

1956

**Trình độ chuyên môn:**

Phó giáo sư, Tiến sỹ Toán-Lý

Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT. Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực ICT bình chọn. Ông là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm Việt Nam và đóng góp nhiều ý kiến cho các lãnh đạo Việt Nam trong việc hoạch định chính sách phát triển ngành công nghệ thông tin ở Việt Nam.



Bà **CHU THỊ THANH HÀ**

**Thành viên HĐQT**

**Năm sinh:**

1974

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà là một trong 4 thành viên sáng lập của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Bà đã dẫn dắt, quản trị và lãnh đạo FPT Telecom trong suốt thời gian từ ngày đầu thành lập công ty (1997) đến đầu năm 2020 và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc, Phó Chủ tịch và Chủ tịch Hội đồng Quản trị FPT Telecom (2015-2020). Dưới sự lãnh đạo của Bà, FPT Telecom đã trở thành một trong những doanh nghiệp viễn thông, Internet có uy tín và vị thế vững chắc tại thị trường Việt Nam. Từ tháng 3/2020 Bà được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Software và thôi giữ vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.



Ông **NGUYỄN VĂN KHOA**

**Thành viên HĐQT**

**Năm sinh:**

1977

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế

Ông có 24 năm kinh nghiệm phát triển các mảng Dịch vụ Viễn thông và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT và giữ vị trí Tổng giám đốc FPT Telecom trong giai đoạn 2012-2017. Tháng 01/2018, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc Công ty Hệ thống thông tin FPT trong chương trình quy hoạch và đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận của Tập đoàn. Tháng 3/2019 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT.



Ông **PHẠM CÔNG MINH**

**Thành viên HĐQT**

**Năm sinh:**

1989

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ

Ông có 05 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Phân tích đầu tư tại Ban Đầu tư 4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông có bằng thạc sỹ tại Đại học Quản trị Singapore chuyên ngành Quản lý tài sản và thạc sỹ Khoa học tại Đại học Exeter-Vương quốc Anh chuyên ngành Thương mại quốc tế. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 12/11/2019.



Bà **LÊ NGỌC DIỆP**

**Thành viên HĐQT**

**Năm sinh:**

1976

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ

Bà có 12 năm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà hiện đang giữ chức vụ Phó trưởng Ban – Ban Đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà có bằng thạc sỹ Quản trị công được cấp bởi Đại học Quốc gia Singapore và là cử nhân Ngân hàng tài chính của Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018.





## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **HOÀNG VIỆT ANH**

**Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:**

1975

**Trình độ chuyên môn:**  
doanh

Thạc sỹ Quản trị kinh  
Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Công ty Phần mềm FPT như: Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc điều hành, Giám đốc FPT châu Á - Thái Bình Dương... Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất khẩu phần mềm khi tham gia chỉ đạo và triển khai các dự án quy mô lớn của FPT Software với khách hàng tại Singapore, Malaysia, Mỹ... trong lĩnh vực nhiều lĩnh vực. Ông được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ tháng 3/2018.



Ông **NGUYỄN HOÀNG LINH**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:**

1978

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam. Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012, Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Bà **VŨ THỊ MAI HƯƠNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:**

1971

**Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT Telecom như Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.





Ông **CHU HÙNG THẮNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:**

1978

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2001, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng kỹ thuật triển khai, Phó giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí lãnh đạo tại FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **NGUYỄN THANH BÌNH**

**Giám đốc Tài chính**

**Năm sinh:**

1976

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2009 với vị trí Phó Ban Tài Chính. Năm 2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính.





## BAN KIỂM SOÁT



Ông **NGUYỄN LƯƠNG TÂM** *Trưởng Ban Kiểm Soát*

**Năm sinh:** 1985

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2019 và đảm nhận vị trí Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty. Trước khi gia nhập FPT Telecom ông đã có 12 năm kinh nghiệm làm việc và quản lý tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.



Ông **PHAN PHƯƠNG ĐẠT** *Thành viên Ban Kiểm Soát*

**Năm sinh:** 1971

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ toán học

Ông gia nhập FPT từ năm 1999, và trải qua nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc nhân sự FPT, Phó Tổng Giám đốc FPT Software, Hiệu phó Đại học FPT... Hiện tại, ông là Trưởng ban Đào tạo FUNiX, đồng thời phụ trách Câu lạc bộ Tài năng trẻ FPT (FPT Young Talents – FYT).



Ông **ĐỖ XUÂN PHÚC** *Thành viên Ban Kiểm Soát*

**Năm sinh:** 1985

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân

Ông hiện đang công tác tại Ban đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2023

Năm 2020 mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid19, thiên tai bão lụt và ảnh hưởng kép của sự cố đứt cáp quang biển nhưng FPT Telecom vẫn duy trì được sự tăng trưởng và đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng: Doanh thu Công ty tăng 10,3% và lợi nhuận sau thuế tăng 13,7%. Đây là những con số minh chứng cho sự thành công của sự sáng tạo trong công việc, chính sách Quản trị hiệu quả và năm thứ hai áp dụng OKRs trong Quản trị Công ty. Để đạt được những thành tựu này là nỗ lực không mệt mỏi của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên. Hàng loạt chiến dịch, chương trình hành động ý nghĩa đã được FPT Telecom nhanh chóng triển khai như Mùa hè đỏ lửa, Nước mát song hành, Chiến dịch thu đông, áp dụng chuyển đổi số trong quản trị và kinh doanh... tạo ra một sự kết nối và động lực mạnh mẽ vực dậy tinh thần làm việc nhiệt huyết của cả tập thể cán bộ nhân viên FPT Telecom để cùng nhau vượt qua những khó khăn trong năm qua.

Bằng những chiến dịch hành động này, FPT Telecom đã nhanh chóng lấy lại được sự tin tưởng của khách hàng và tiếp tục tăng trưởng doanh số các dịch vụ kinh doanh cốt lõi trong giai đoạn giữa và cuối năm 2020 để hoàn thành xuất sắc kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Đây là thành quả cho những nỗ lực, cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, thể hiện sự bứt phá trong giai đoạn đầy khó khăn, thử thách vì dịch bệnh và thiên tai. Đáng chú ý trong năm 2020 đó là FPT Telecom đã thực hiện 7 dự án chuyển đổi số, một số dự án đã go live thành công:

- OMNI Shop.
- Phân công tối ưu giai đoạn 2.
- Home Wifi.
- Omni Chanel Contact Center.
- FOXGOLD.

Năm 2021, Ban điều hành FPT Telecom đã họp chiến lược và đề ra những mục tiêu phát triển cụ thể cho riêng năm 2021 và giai đoạn 2021-2023 nói chung:

- Tiếp nối đà tăng trưởng năm 2020, Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động Phát triển Thuê bao Internet và Truyền hình FPT, triển khai 2 tuyến cáp quốc tế, đầu tư mạnh vào cáp đất liền, đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng viễn thông, đặc biệt là các dự án Data Center.
- Hướng tới trở thành nhà chuyển đổi số tiên phong về công nghệ, đem lại giá trị cho Khách hàng và cộng đồng, chiến lược Trải nghiệm Tuyệt vời là chủ điểm xuyên suốt trong các hoạt động Kinh doanh, Dịch vụ, Kỹ thuật, Marketing và Truyền thông. "Trải nghiệm Tuyệt vời cho Khách hàng" trong năm tới sẽ được chi tiết hóa, triển khai cụ thể tới từng Khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm, trải nghiệm tuyệt vời mọi lúc mọi nơi.
- Năm 2021 Công ty đặt mục tiêu doanh thu là 12.700 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 2.380 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt là 10,8% và 14,8% so với năm 2020.







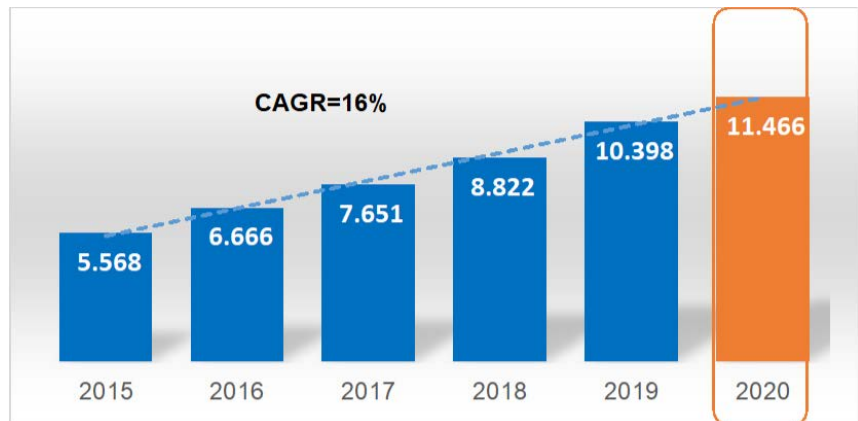
**TÌNH HÌNH HOẠT  
ĐỘNG KINH DOANH  
NĂM 2020 VÀ  
KẾ HOẠCH NĂM 2021**

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2020

### DOANH THU THUẦN

11.466 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 10,3% YOY.

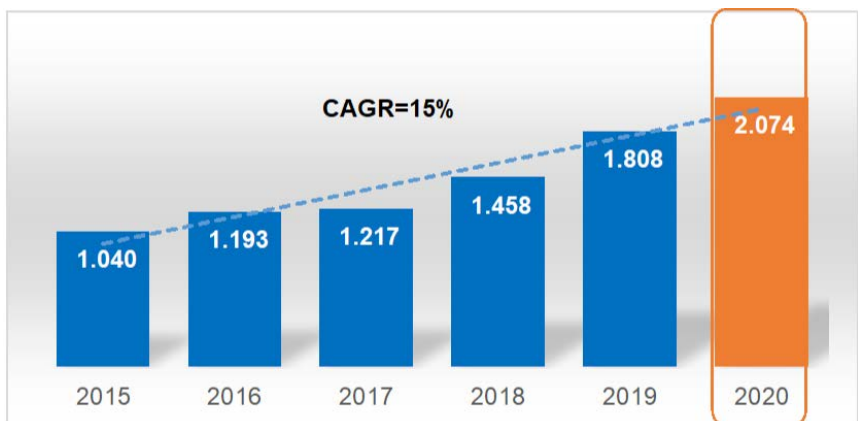
FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu ấn tượng ở mức 2 con số trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn.



### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

2.074 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 14,7% YOY

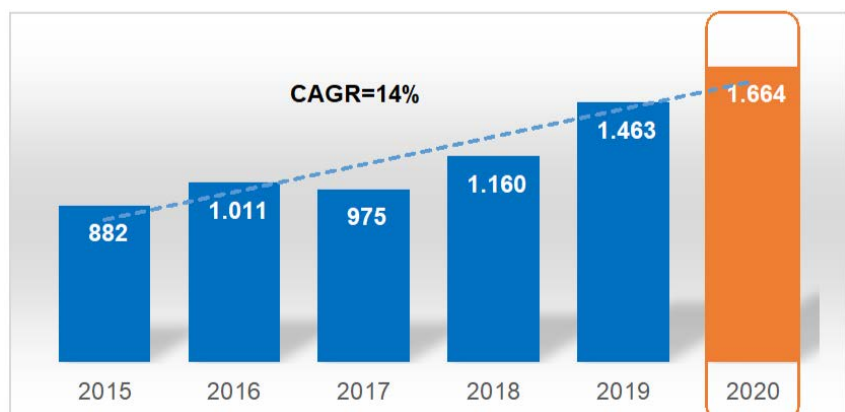
Năm 2020, Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, hoàn thành xuất sắc kế hoạch lợi nhuận được giao và đạt được mức tăng trưởng ấn tượng.



### LỢI NHUẬN SAU THUẾ

1.664 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 13,7% YOY.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng tương ứng với mức tăng doanh thu khi đạt mức tăng trưởng 13,7%.





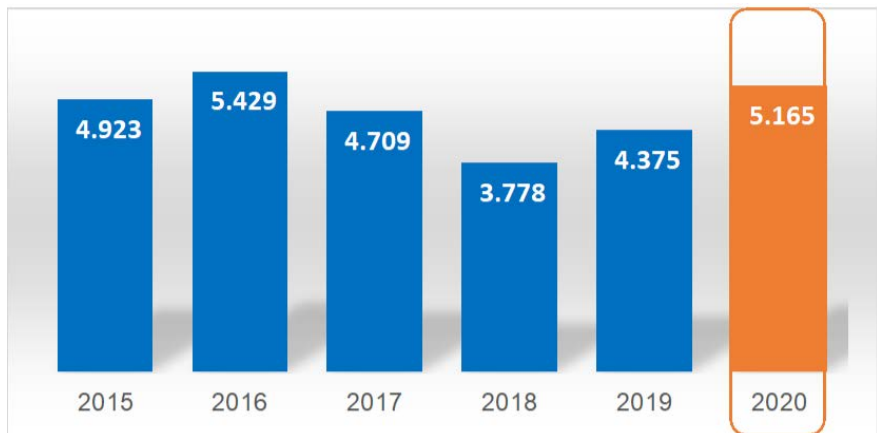


## LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS)

5.165 ĐỒNG/CP, TĂNG TRƯỞNG 18,1 % YOY

EPS của công ty tăng trưởng 18,1% so với 2019 cho thấy hoạt động kinh doanh năm 2020 tiếp tục đem lại hiệu quả tốt cho cổ đông Công ty.

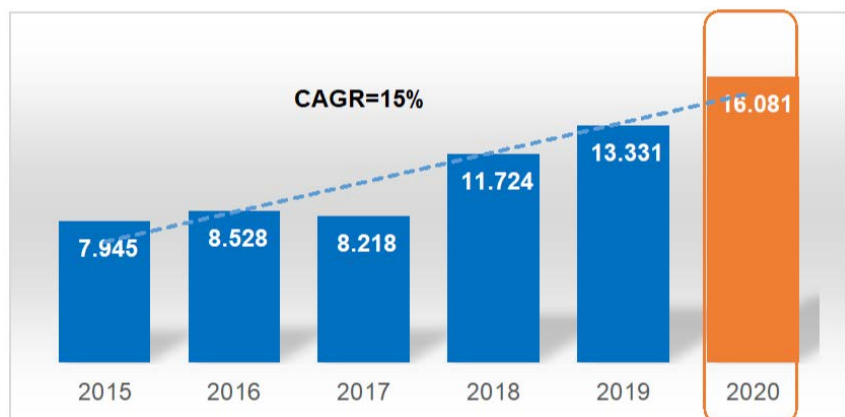
(\*) EPS các năm được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019.



## TỔNG TÀI SẢN

16.081 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 20,6 % YOY

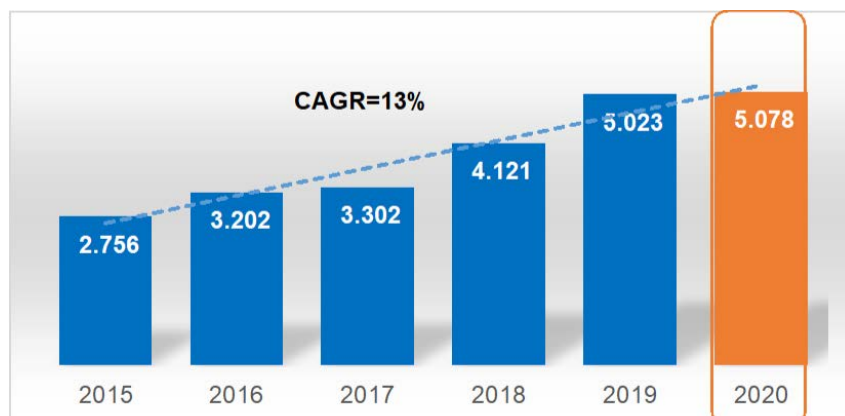
Tổng tài sản của Công ty tiếp tục có bước nhảy vọt với mức tăng trưởng lên đến 20,6% so với năm 2019 do đẩy mạnh đầu tư và tối ưu các nguồn vốn ưu đãi.



## VỐN CHỦ SỞ HỮU

5.078 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 1,1% YOY

Nguồn vốn tiếp tục được bảo toàn và không có nhiều biến động, tăng trưởng bình quân năm từ 2015 đến 2020 là 13%, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của FPT Telecom.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### KẾT QUẢ KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng giảm
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	11.466.154	10.398.427	10,3%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	"	2.063.754	1.802.505	14,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.074.036	1.808.153	14,7%
5	Lợi nhuận sau thuế	"	1.663.900	1.463.218	13,7%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/CP	5.165	4.375	18,1%

Năm 2020, FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng trên hai con số, doanh thu hợp nhất toàn công ty đạt 11.466 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.064 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.664 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thực tế đạt 5.165 đồng/cổ phần tăng 18,1% so với năm 2019. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2020 đạt 16.081 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 5.078 tỷ đồng và vốn điều lệ là 2.736 tỷ đồng.





## TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng giảm
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>9.350.395</b>	<b>6.934.017</b>	<b>34,8%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	"	630.611	552.340	14,2%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	"	6.608.557	4.173.210	58,4%
3	Phải thu ngắn hạn	"	1.001.734	987.902	1,4%
4	Hàng tồn kho	"	627.896	656.730	-4,4%
5	Tài sản ngắn hạn khác	"	481.597	563.835	-14,6%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>"</b>	<b>6.730.574</b>	<b>6.396.938</b>	<b>5,2%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	"	31.522	25.876	21,8%
2	Tài sản cố định	"	4.894.108	4.791.799	2,1%
3	Tài sản dở dang dài hạn	"	307.445	128.115	140,0%
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	"	6.200	6.000	3,3%
5	Tài sản dài hạn khác	"	1.491.299	1.445.148	3,2%
<b>III</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>"</b>	<b>16.080.969</b>	<b>13.330.955</b>	<b>20,6%</b>

**Tài sản ngắn hạn:** Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn tiếp tục tăng trưởng là minh chứng cho tiềm lực tài chính dồi dào của Công ty. Bên cạnh đó, hàng tồn kho giảm 4,4% so với năm 2019 cho thấy Công ty đang tối ưu hoạt động kinh doanh.

**Tài sản dài hạn:** Tài sản cố định tăng trưởng 2,1%. Trong năm 2020 Công ty đã hoàn thiện và đưa vào khai thác hai tòa nhà Data Center mới tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Công ty cũng đang triển khai dự án trung tâm dữ liệu lớn nhất Việt Nam tại Khu công nghệ cao Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

## NGUỒN VỐN VÀ NỢ CÔNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng giảm
<b>I</b>	<b>Tổng nợ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>11.002.713</b>	<b>8.308.254</b>	<b>32,4%</b>
1	Nợ ngắn hạn	"	10.717.109	7.967.680	34,5%
2	Nợ dài hạn	"	285.605	340.574	-16,1%
<b>II</b>	<b>Vốn Chủ sở hữu</b>	<b>"</b>	<b>5.078.256</b>	<b>5.022.700</b>	<b>1,1%</b>
1	Vốn chủ sở hữu	"	5.078.256	5.022.700	1,1%
<b>III</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>"</b>	<b>16.080.969</b>	<b>13.330.955</b>	<b>20,6%</b>

**Nợ phải trả:** Nợ ngắn hạn tăng 34,5%, chủ yếu từ vay nợ ngắn hạn để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**Vốn chủ sở hữu:** Tăng 1,1% so với năm 2019, chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại trong năm 2020.

## CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,87	0,87
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,81	0,79
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,68	0,62
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,17	1,65
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay khoản phải thu	Lần	11,53	10,54
2	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,71	0,83
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số LNTT/Doanh thu thuần	%	18,1%	17,4%
2	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	14,5%	14,1%
3	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	32,8%	29,1%
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,3%	11,7%
5	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18,0%	17,3%
<b>VI</b>	<b>Hệ số bảo toàn vốn</b>			
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,15	1,16

**Khả năng thanh toán:** Không có nhiều biến động và vẫn được đảm bảo rất tốt so với năm trước cho thấy Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán cho các khoản nợ trong tương lai.

**Cơ cấu vốn:** Tăng nhẹ trong năm 2020 khi nợ có mức tăng cao hơn mức tăng của tài sản và vốn chủ, tuy nhiên xu thế này cũng cho thấy Công ty đang tận dụng tốt đòn bẩy tài chính khi mặt bằng lãi suất năm 2020 là khá thấp.

**Năng lực hoạt động:** Các chỉ số biến động nhẹ so với năm 2019, cụ thể: vòng quay khoản phải thu tiếp tục tăng khi Công ty nỗ lực đẩy mạnh trọng tâm vào thanh toán online, vòng quay tổng Tài sản giảm nhẹ trong năm 2020 do công ty chịu ảnh hưởng của đại dịch chung.

**Khả năng sinh lời:** Hầu hết chỉ số tiếp tục được duy trì ở mức cao và tăng trưởng so với năm trước. Hệ số lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế so với doanh thu thuần tiếp tục tăng so với năm 2019.

Năm 2020 là một năm được đánh giá là thành công của FPT Telecom với một loạt những chương trình truyền thông và sản phẩm mới được ra mắt triển khai đã tạo dấu ấn mạnh mẽ kết nối được người dùng, giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, trong đó:





**Tháng 02/2020:** Triển khai chương trình “Giới thiệu bạn bè”, cho phép khách hàng hiện hữu và cán bộ nhân viên Công ty giới thiệu khách hàng mới thông qua các ứng dụng công nghệ. Chương trình này lần đầu xuất hiện trong các nhà mạng viễn thông ở Việt Nam và đã tạo được hiệu ứng tích cực, giúp Công ty có thêm nhiều khách hàng mới trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19.



**Tháng 04/2020:** Ra mắt FPT VPN, là giải pháp làm việc từ xa dành cho các doanh nghiệp. Giải pháp này đảm bảo cho các hoạt động học tập, dạy học, tương tác từ xa, kinh doanh, livestream... kết nối ổn định, không bị gián đoạn. Đây là một sản phẩm vô cùng thiết thực và hữu ích trong năm khi diễn biến dịch bệnh Covid 19 khá phức tạp.



**Tháng 05/2020:** Ra mắt ứng dụng OMNI Shop đầu tiên tại Việt Nam. Ứng dụng này cho phép người dùng tương tác trực tiếp trên Ti vi và dễ dàng tiếp cận với những ưu đãi độc quyền hấp dẫn. Với sự đầu tư về công nghệ, khi sử dụng ứng dụng OMNI Shop trên thiết bị FPT Play Box người dùng đã có những trải nghiệm tốt với trình mua sắm đơn giản, tiện lợi, bảo mật thông tin.





**Tháng 06/2020:** Ra mắt FPT Play Box+ phiên bản 2020 cho phép người dùng có thể tìm kiếm nội dung và điều khiển thiết bị thông qua giọng nói. Phiên bản mới được nâng cấp gấp đôi cấu hình so với phiên bản cũ, giúp tăng hiệu năng sử dụng lên 200% và phát huy tối đa ưu thế kết nối không dây.




**FOXGOLD**  
 KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT

## GẮN KẾT DÀI LÂU

## NHẬN NGÀN ƯU ĐÃI

Tham gia chương trình Khách hàng thân thiết (Foxgold) để có cơ hội quay số trúng thưởng

TỪ 27/08/2020-30/09/2020









Xe SH 125i

TẢI ĐỂ THAM GIA >>

**Tháng 08/2020:** Ra mắt chương trình Khách hàng thân thiết (FOXGOLD) để tri ân các Khách hàng đã tin tưởng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty. Chương trình đã tạo ra được sự lan tỏa mạnh mẽ bằng việc đem đến cho khách hàng nhiều phần quà hấp dẫn và giá trị.



**Tháng 10/2020:** Ra mắt bộ giải mã mới mang tên FPT TV 4K FX6. Bộ giải mã được trang bị cấu hình cao với chipset Realtek 4K 1395, DMIPS là 13.800, CPU 4 nhân (Quad-core) 1.5Ghz giúp thiết bị có thể xử lý đồng thời nhiều tác vụ với tốc độ cao, đáp ứng nhu cầu giải trí đa dạng của người dùng.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## TÓM TẮT TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2020

Năm 2020 dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn như Mỹ (-3,5%), Trung Quốc (+2,1%), Nhật Bản (-5,4%), Cộng đồng chung châu Âu (-7,4%) tăng trưởng âm trong năm 2020 và đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Thương mại toàn cầu suy giảm, nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá cả hàng hóa có xu hướng tăng, giao thương vận tải đóng băng do đóng cửa biên giới và giãn cách xã hội.

Trong bối cảnh bất ổn của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được tăng trưởng GDP 2020 là 2,91%, đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tính đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm trước. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019, với 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD. Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 264,2 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước. Tổng doanh thu của toàn ngành viễn thông trong năm 2020 đạt khoảng 381 nghìn tỷ đồng (giảm 0,6% so với năm trước), nộp ngân sách 42.124 tỷ đồng (giảm 1,48% so với năm trước). Tính đến cuối năm 2020, tổng số thuê bao điện thoại ước tính đạt 134,6 triệu thuê bao, tăng 3,7%, trong đó số thuê bao di động đạt 131,4 triệu thuê bao, tăng 4,2% chủ yếu do số thuê bao tại cùng thời điểm năm 2019 sụt giảm mạnh khi các nhà mạng thực hiện xử lý sim rác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; số thuê bao internet băng rộng cố định đạt 16,6 triệu thuê bao tăng 12,3%.

The image shows the FPT Telecom logo on the left, consisting of the letters 'FPT' in a stylized font followed by 'Telecom'. To the right is a tall, rectangular trophy with a silver base and a clear glass top. Inside the glass top, there is a 5G logo, the text '5G & THE DEVELOPMENT OF DIGITAL ASIAN TO MARCH 2021 - HANOI', and the FPT Telecom logo. Below the trophy, there is a line of text in Vietnamese: '( Theo khảo sát của Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và Hội Truyền thông Số Việt Nam )'.

Trong năm 2020, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến kéo dài và khó lường, thời tiết không thuận lợi, thiên tai lụt lội tại miền Trung, Ban Lãnh đạo FPT Telecom cùng toàn thể nhân viên đều tận lực phấn đấu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng và tuân thủ chặt chẽ công cụ OKRs. Kết quả Công ty đã đạt được những thành công lớn lao. Doanh thu năm 2020 của toàn Công ty đạt 11.466 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3% so với năm 2019 và bằng 97,1% kế hoạch đề ra. Các mảng kinh doanh vẫn giữ được sự tăng trưởng trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, cụ thể: doanh thu dịch vụ viễn thông cho khách hàng tổ chức (kênh thuê riêng, thoại trong nước, cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ,

dịch vụ lưu trữ ảo hóa, ...) tăng trưởng 3,1%; doanh thu dịch vụ viễn thông cố định cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình tăng trưởng 10,9%; doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền tăng trưởng 27,6% so với năm 2019 và hoàn thành trên 97% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Duy nhất mảng nội dung số có doanh thu giảm -1,6% và hoàn thành 90,2% kế hoạch do lĩnh vực quảng cáo gặp nhiều khó khăn, khách hàng doanh nghiệp cắt giảm ngân sách chi tiêu, cạnh tranh gay gắt với mạng xã hội, truyền hình, digital marketing. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 2.074 tỷ đồng, tăng trưởng 14,7% so với năm 2019 và hoàn thành 102,6% kế hoạch đề ra.

## KẾ HOẠCH NĂM 2021



Năm 2021 Công ty đặt mục tiêu doanh thu là 12.700 tỷ đồng, tăng trưởng 10,8% so với năm 2020 (trong đó doanh thu từ dịch vụ viễn thông là 12.000 tỷ đồng, tăng trưởng 10,4% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số là 700 tỷ đồng, tăng trưởng 16,8%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty là 2.380 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm 2020. Với chiến lược mang lại trải nghiệm tuyệt vời cho khách hàng dựa trên nền tảng chuyển đổi số, FPT Telecom sẽ tập trung phát triển thuê bao bền vững, cải thiện sự hài lòng của khách hàng, nâng cao chất lượng hạ tầng, gia tăng chất lượng nguồn lực lao động để duy trì sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận ổn định.

Bên cạnh đó với mục tiêu là doanh nghiệp số 1 tại Việt Nam trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu, Công ty sẽ đẩy nhanh việc xây dựng trung tâm dữ liệu tại Quận 9 – Tp HCM và tại Đà Nẵng, đồng thời thúc đẩy hoạt động kinh doanh khai thác hiệu quả tại 2 trung tâm dữ liệu mới đã đưa vào hoạt động trong Q3/2020. Công ty đang nghiên cứu đầu tư vào dự án cáp đất liền quốc tế kết nối Việt Nam – Singapore để đảm bảo an toàn hạ tầng mạng viễn thông, giảm thiểu ảnh hưởng bằng thông quốc tế khi sự cố đứt cáp quang biển xảy ra. Trong năm 2021, Công ty sẽ khởi công dự án xây dựng tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower tại Khu chế xuất Tân Thuận, Tp HCM để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về văn phòng làm việc. Công ty tiếp tục nghiên cứu, phát triển để đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường và người tiêu dùng, triển khai dịch vụ Multi Cloud cho khách hàng khối doanh nghiệp, đầu tư và phát triển nội dung riêng cho mảng dịch vụ truyền hình, nhân rộng hệ sinh thái OTT để cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Về nguồn lực nhân sự, FPT Telecom sẽ cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và dự kiến đến cuối năm 2021 số lượng nhân sự của công ty đạt khoảng 10.000 người.














# QUẢN TRỊ CÔNG TY



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia	Lý do không tham dự
<b>01</b>	Ông Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch	03/03/2020	2	100%	(Bổ nhiệm ngày 03/03/2020)
<b>02</b>	Ông Trương Gia Bình	Thành viên	7/28/2005	4	100%	
<b>03</b>	Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên	3/27/2009	2	100%	(Miễn nhiệm 03/03/2020)
<b>04</b>	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	3/30/2012	4	100%	
<b>05</b>	Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên	03/03/2020	4	100%	
<b>06</b>	Ông Phạm Công Minh	Thành viên	12/11/2019	4	100%	
<b>07</b>	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	28/3/2018	4	100%	

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau:

-  Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.
-  Phê duyệt việc Bà Chu Thị Thanh Hà thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và tiếp tục là thành viên HĐQT. Bầu Ông Hoàng Nam Tiến làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
-  Thông qua việc thay đổi Người đại diện pháp luật của Công ty từ bà Chu Thị Thanh Hà sang ông Hoàng Nam Tiến.
-  Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 và tăng vốn năm 2020.
-  Phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2020.
-  Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.
-  Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
-  Thông qua chủ trương đầu tư Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower tại Thành phố Hồ Chí Minh.
-  Thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến cáp đất liền VN-SGN để trình ĐHĐCĐ 2021 phê duyệt đầu tư.
-  Thông qua việc dừng đầu tư dự án cáp biển SEA H2-X.
-  Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý và Người phụ trách quản trị Công ty.



## DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/FTEL	03/02/2020	- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.
2	02/NQ-HĐQT/FTEL	11/02/2020	- Thông qua kết quả kinh doanh quý 4 và năm 2019. - Thông qua kế hoạch kinh doanh và chủ trương đầu tư năm 2020. - Thông qua phương án miễn nhiệm và đề cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023. - Thông qua phương án miễn nhiệm và đề cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.
3	03/NQ-HĐQT/FTEL	03/03/2020	- Thông qua việc thay đổi vị trí chủ tịch HĐQT. - Bà Chu Thị Thanh Hà thôi giữ chức chủ tịch HĐQT và tiếp tục là thành viên HĐQT. - Ông Hoàng Nam Tiến được bầu làm chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
4	04/NQ-HĐQT/FTEL	03/03/2020	- Thay đổi Người đại diện pháp luật của Công ty từ bà Chu Thị Thanh Hà sang ông Hoàng Nam Tiến.
5	05/NQ-HĐQT/FTEL	06/03/2020	- Miễn nhiệm ông Hoàng Trung Kiên khỏi vị trí Phó Tổng giám đốc FPT Telecom theo chương trình luân chuyển cán bộ lãnh đạo trong FPT.
6	06/NQ-HĐQT/FTEL	12/05/2020	- Thông qua kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020.
7	07/NQ-HĐQT/FTEL	12/05/2020	- Thông qua việc trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:1).
8	08/NQ-HĐQT/FTEL	12/05/2020	- Thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt với mức 1.000 đồng/cổ phiếu.
9	09/NQ-HĐQT/FTEL	04/08/2020	- Thông qua kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2020. - Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 là 10% tiền mặt (1.000 đồng/cổ phiếu). - Bổ nhiệm bà Nguyễn Khoa Diệu Hiền – Chánh văn phòng, thư ký HĐQT là “Người phụ trách quản trị công ty”.
10	10/NQ-HĐQT/FTEL	07/09/2020	- Miễn nhiệm ông Vũ Anh Tú khỏi vị trí Phó tổng giám đốc FPT Telecom theo chương trình luân chuyển cán bộ lãnh đạo trong FPT.
11	11/NQ-HĐQT/FTEL	24/11/2020	- Thông qua kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2020. - Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt với mức trả 2.000 đồng/cổ phiếu (tỷ lệ 20%). - Thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng FPT Telecom Tower. Căn cứ báo cáo thẩm định. Ban điều hành trình Hội đồng quản trị quyết định việc đầu tư dự án. - Thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến cáp đất liền Việt Nam – Singapore. Căn cứ báo cáo thẩm định và đề xuất của Ban điều hành, Hội đồng quản trị sẽ xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư Dự án. - Thông qua việc dừng xem xét chủ trương đầu tư dự án cáp biển SEA H2-X. Thông qua kế hoạch rà soát tổng thể các dự án đang triển khai hoặc dự định triển khai để quyết định phương hướng đối với các dự án.

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✓ Kiểm soát xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ công ty.
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng kế hoạch và phân phối lợi nhuận năm 2020.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc thành lập, tổ chức lại các chi nhánh Công ty.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- ✓ Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện.
- ✓ Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị.
- ✓ Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/FTEL ngày 03/03/2020 đã thông qua việc miễn nhiệm ông Lương Quốc Lân và bổ nhiệm ông Nguyễn Lương Tâm làm Trưởng Ban Kiểm soát.





## QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

- ✓ **Vốn điều lệ:** 2.736.464.610.000 đồng.
- ✓ **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 273.646.461 cổ phiếu.
- ✓ **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ **Cổ phiếu thường:** 273.464.461 cổ phiếu.
- ✓ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 273.464.461 cổ phiếu.
- ✓ **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 30.015 cổ phiếu.

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

STT	Đơn vị	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	137.285.018	50,17%
2	Công ty Cổ phần FPT	124.922.882	45,65%
3	Các cổ đông khác	11.408.546	4,17%
4	Cổ phiếu quỹ	30.015	0,01%
<b>Tổng cộng</b>		<b>273.646.461</b>	<b>100,0%</b>

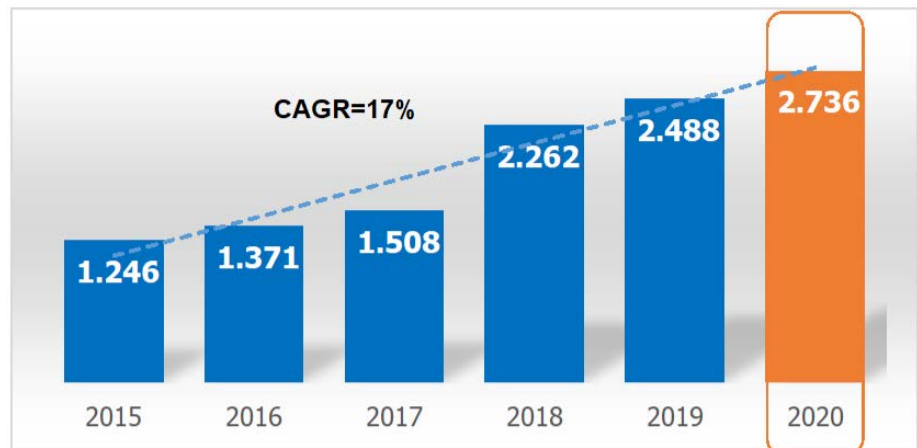
### BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH





## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ tăng do Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020 với tỷ lệ 10%. Tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bình quân 5 năm là 17%.



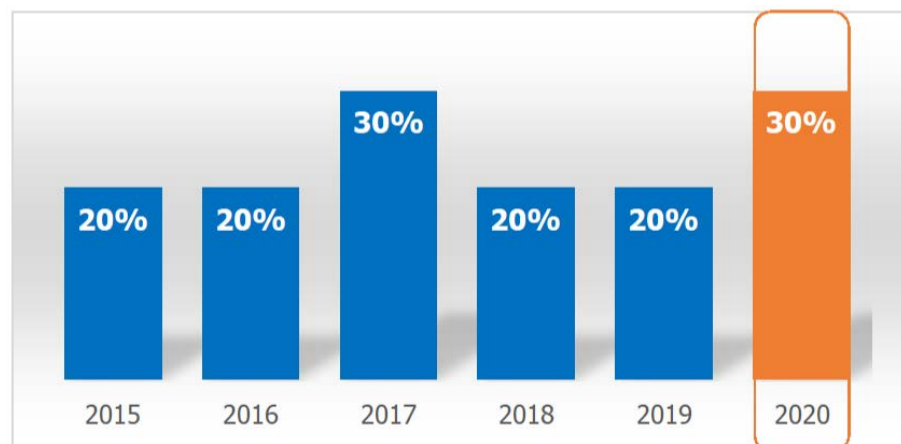
## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2020, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

## LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC

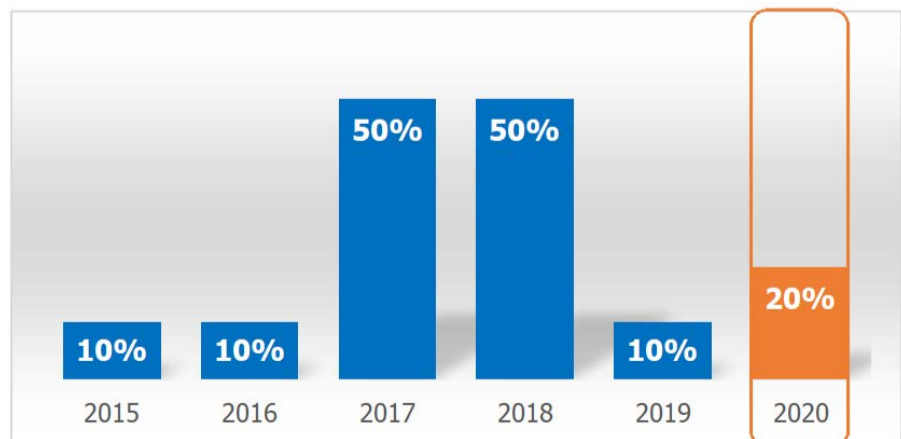
### CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT

Tỷ lệ cổ tức tạm ứng bằng tiền mặt năm 2020 là 3.000 đồng/cổ phiếu. Cùng với năm 2017, đây là mức chi trả cao nhất trong giai đoạn 5 năm vừa qua.



### CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU

Công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2020 là 20%. Quyết định chi trả cổ tức sẽ được trình và xin ý kiến phê duyệt tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.





### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hơn 24 năm phát triển, FPT Telecom là một trong những đơn vị Viễn thông dẫn đầu, tiên phong đổi mới mang chất lượng dịch vụ tốt nhất đến cho Khách hàng, và là nhà mạng được yêu thích và tin dùng tại Việt Nam. Với đội ngũ nhiệt huyết, năng động sáng tạo, FPT Telecom luôn sẵn sàng ứng biến với cuộc chơi mới và nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về công nghệ theo xu thế công nghệ thế giới. Năm 2020, trước những biến động khó lường do ảnh hưởng từ thiên tai và dịch bệnh Covid 19, FPT Telecom đã áp dụng chiến lược Amazing Experience (Trải nghiệm tuyệt vời) đem lại sự thuận tiện và cảm xúc cho Khách hàng với hàng loạt những chương trình hành động cụ thể như:

- Đăng ký dịch vụ online, giúp tiết kiệm thời gian cho khách hàng.
- Hỗ trợ bảo trì từ xa, đảm bảo xử lý nhanh các sự cố cho khách hàng.
- Bảo vệ người dùng Internet khỏi các trang web nguy hại, và virus thông qua ứng dụng F.safe, giúp khách hàng an tâm và tin tưởng khi sử dụng dịch vụ của Công ty.
- Chương trình Giới thiệu Bạn bè, tăng thêm sự gắn bó và trung thành của Khách hàng với các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Năm 2020, FPT Telecom đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng hai trung tâm dữ liệu lớn tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh và đang triển khai xây dựng Data Center lớn nhất Việt Nam với diện tích 10.000m<sup>2</sup> tại Khu Công Nghệ Cao, Thành phố Hồ Chí Minh. Các trung tâm dữ liệu này giúp FPT Telecom đưa ra thị trường hàng loạt các dịch vụ Cloud, đồng thời nhằm hỗ trợ tối đa các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi về: hạ tầng, ứng dụng, quản lý, an toàn thông tin... với mục tiêu là doanh nghiệp số 1 tại Việt Nam trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu. Nền tảng điện toán đám mây vững mạnh là hạ tầng cơ bản cho quá trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp và kinh tế Việt Nam.



## SỐ HÓA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÂN SỰ TẠI FPT TELECOM

FPT Telecom luôn chú trọng trong việc phát triển nguồn lực, tạo ra môi trường làm việc năng động, thúc đẩy cán bộ nhân viên nâng cao năng lực và phát triển bản thân.

### Số hóa hoạt động quản lý nhân sự tại FPT Telecom:



Triển khai ký kết Hợp đồng lao động điện tử trên 59 tỉnh thành, cho phép cán bộ nhân viên thực hiện ký hợp đồng lao động trên ứng dụng FoxPro mà không phải tốn thời gian tới văn phòng trực tiếp. Dự án đã giúp tiết kiệm thời gian xử lý công việc cho nhân viên, lãnh đạo và đặc biệt tiết kiệm gần một tỷ đồng chi phí quản lý, vận hành và nhân sự (giấy mực in, lưu trữ, nhân sự).



Triển khai điểm danh trên ứng dụng FoxPro, mang đến sự thuận tiện cho cán bộ nhân viên khi checkin/checkout, không phải xếp hàng chờ đợi như sử dụng máy chấm công truyền thống, dữ liệu checkin/checkout quản lý tập trung đồng bộ, tiết kiệm chi phí đầu tư máy chấm công, chi phí nguồn lực cài đặt và vận hành.

Năm 2020, Công ty cũng dành được nhiều giải thưởng uy tín về tuyển dụng:

- Lot Top 20 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất.
- Lot Top 10 nhà tuyển dụng nội bộ được yêu thích nhất.

### Các chiến dịch thi đua và các hoạt động phong trào rộng khắp:

FPT Telecom đã thực hiện nhiều chiến dịch thi đua và tổ chức các hoạt động phong trào, sôi nổi trong năm 2020. Các cuộc thi đã trở thành sân chơi cho mọi phòng ban, đơn vị có cơ hội thi tài, thể hiện bản thân và góp phần củng cố văn hóa tinh thần Công ty:

- Nước mát song hành - Ngày hè thêm xanh: Ban điều hành đã đi 20 chi nhánh trong vòng 1 tháng để trao nước mát, động viên các cán bộ nhân viên.
- Mùa hè đỏ lửa và chiến dịch MMM: Nâng cao năng suất lao động, giúp công ty tăng thêm hàng trăm nghìn thuê bao Internet và Truyền hình.
- Chiến dịch Thu Đông: Cải thiện công tác chăm sóc khách hàng, giúp tỷ lệ rời mạng Internet giảm 0,35% và PayTV là 0,38%.
- Chương trình vinh danh Foxers Siêu đẳng: Lựa chọn được 122 cán bộ nhân viên xuất sắc nhất trong tháng theo các tiêu chí Học tốt – Làm giỏi – Sáng tạo.





### CÁC HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO TIÊU BIỂU

- Cuộc thi “Plank đi đẩy lùi Cô vy” thu hút 1.096 bài dự thi với 6 giải thưởng được trao.
- Minigame “Góc làm việc tại nhà” thu hút 175 bài dự thi và 15 giải thưởng được trao.
- Chiến dịch “Làm mũ che giọt bắn” đã tặng 100 mũ cho cán bộ nhân viên.
- Phiên chợ “Cũ người mới ta” thu hút 213 người tham gia với 109 sản phẩm được bán.
- Các giải bóng đá cấp Công ty, cấp vùng và cấp đơn vị, được tổ chức đều đặn và là cơ hội để cán bộ nhân viên giao lưu, rèn luyện sức khỏe.





## HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Năm 2020 dù gặp nhiều khó khăn nhưng FPT Telecom vẫn triển khai nhiều hoạt động vì cộng đồng, đặc biệt phải kể đến các chương trình Chung tay cùng chống đại dịch Covid như:

- Hỗ trợ hạ tầng Internet cho các khu cách ly, bệnh viện dã chiến ở 6 điểm cách ly Covid 19.
- Tặng 3 bệnh viện tại Đà Nẵng 1 tỷ đồng sử dụng Internet miễn phí.
- Đóng góp hơn 1 tấn gạo gửi đến những người dân khó khăn vì dịch.

Cùng cộng đồng chung tay khắc phục hậu quả sau bão vào cuối năm tại miền Trung:

- Ủng hộ miền Trung 40 xuồng, 80 tay chèo, 400 áo phao và 2.000 đèn sạc dự phòng bằng năng lượng mặt trời.
- FSmall gây quỹ cùng cha mẹ ủng hộ cho đồng bào miền Trung. Chương trình đã thu hút rất nhiều các em nhỏ theo cha mẹ tới điểm văn phòng 48 Vạn Bảo của FPT Telecom để cùng phân loại quần áo, ủng hộ và viết những lời chúc ý nghĩa gửi tới đồng bào miền Trung.

Hỗ trợ cộng đồng bằng các hoạt động ý nghĩa:

- Cung cấp hơn 400 suất cơm miễn phí cho bà con gặp khó khăn trong chương trình Bữa ăn 0 đồng.
- Rạp phim trường em là chương trình thiện nguyện chuyển tận tay 100 "rạp phim" đến những trường vùng sâu vùng xa, biển đảo để hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức "Vui hội đêm trăng" vào dịp Trung thu cho thiếu nhi tại 59 tỉnh thành. Với 3.000 phần quà Trung thu trao tặng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,  
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)
Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)
	Thành viên
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Ông Phạm Công Minh	Thành viên
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2020)
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,  
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Vũ Thị Mai Hương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy ủy quyền số 369/QĐ-FTEL  
ngày 01 tháng 5 năm 2020

*Ngày 04 tháng 03 năm 2021*

Số: 0681 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi      Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Viễn thông FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Phạm Nam Phong**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0929-2019-001-1

---

**Phạm Tuấn Linh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2019-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 04 tháng 03 năm 2021*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.350.395.231.681</b>	<b>6.934.016.769.710</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>630.611.012.001</b>	<b>552.339.512.408</b>
1. Tiền	111		79.713.237.743	139.889.470.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		550.897.774.258	412.450.042.204
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>6.608.557.368.342</b>	<b>4.173.210.173.033</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.608.557.368.342	4.173.210.173.033
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.001.733.911.616</b>	<b>987.901.715.337</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.211.786.926.271	1.104.878.330.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.309.836.111	53.922.433.156
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	97.343.584.052	85.195.938.979
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(329.706.434.818)	(256.094.987.769)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>627.896.135.608</b>	<b>656.730.226.675</b>
1. Hàng tồn kho	141		697.613.777.715	687.009.461.752
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(69.717.642.107)	(30.279.235.077)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>481.596.804.114</b>	<b>563.835.142.257</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	444.263.511.711	522.718.672.233
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.731.020.501	31.603.264.829
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	9.602.271.902	9.513.205.195
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.730.573.747.199</b>	<b>6.396.937.784.842</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>31.521.714.902</b>	<b>25.876.472.143</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		33.878.406.083	28.233.163.324
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.356.691.181)	(2.356.691.181)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.894.107.754.939</b>	<b>4.791.798.509.796</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.304.552.110.817	4.167.162.580.730
- Nguyên giá	222		8.728.731.666.004	8.115.948.225.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.424.179.555.187)	(3.948.785.644.677)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	589.555.644.122	624.635.929.066
- Nguyên giá	228		919.170.220.951	894.175.259.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(329.614.576.829)	(269.539.330.523)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>307.445.010.561</b>	<b>128.114.918.230</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	307.445.010.561	128.114.918.230
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>6.200.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.684.980.000	9.684.980.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.491.299.266.797</b>	<b>1.445.147.884.673</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.461.779.271.867	1.441.568.408.708
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.519.994.930	3.579.475.965
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>16.080.968.978.880</b>	<b>13.330.954.554.552</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.002.713.268.170</b>	<b>8.308.254.385.786</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.717.108.629.107</b>	<b>7.967.680.395.681</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.578.425.733.601	1.362.881.576.705
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		57.038.514.738	94.115.681.630
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	186.570.606.451	128.112.058.142
4. Phải trả người lao động	314		877.963.926.497	9.168.787.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	263.903.307.947	574.233.936.341
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	1.214.437.567.291	1.302.535.256.599
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	748.814.309.097	155.674.255.359
8. Vay ngắn hạn	320	19	5.526.215.933.386	4.076.639.400.670
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	749.715.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	263.738.730.099	263.569.727.639
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>285.604.639.063</b>	<b>340.573.990.105</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	16	41.077.830.130	42.510.672.090
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.193.233.334	286.600.000
3. Vay dài hạn	338	20	243.333.575.599	297.776.718.015
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.078.255.710.710</b>	<b>5.022.700.168.766</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>5.078.255.710.710</b>	<b>5.022.700.168.766</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.736.464.610.000	2.487.724.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.736.464.610.000	2.487.724.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.462.758.273	20.391.591.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		55.391.600.000	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(300.150.000)	(300.150.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		824.773.364.467	599.601.897.399
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	34.572.210.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.082.212.906.804	1.566.505.241.188
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		714.929.657.820	579.246.036.297
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		367.283.248.984	987.259.204.891
8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		359.250.621.166	314.204.538.249
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>16.080.968.978.880</b>	<b>13.330.954.554.552</b>
<b>(440=300+400)</b>				

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Đỗ Thị Hương  
Kế toán trưởngVũ Thị Mai Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>11.552.202.993.487</b>	<b>10.471.610.837.957</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	86.048.778.885	73.184.080.848
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>11.466.154.214.602</b>	<b>10.398.426.757.109</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	5.741.082.917.095	5.342.392.704.451
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>5.725.071.297.507</b>	<b>5.056.034.052.658</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	354.268.786.060	266.886.134.091
7. Chi phí tài chính	22	29	255.671.428.972	215.486.846.509
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		242.652.884.344	210.056.968.511
8. Chi phí bán hàng	25		1.493.198.318.513	1.138.256.795.689
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.266.716.371.805	2.166.671.769.608
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>2.063.753.964.277</b>	<b>1.802.504.774.943</b>
11. Thu nhập khác	31		19.279.669.830	10.871.328.607
12. Chi phí khác	32		8.997.696.622	5.222.941.220
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>10.281.973.208</b>	<b>5.648.387.387</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.074.035.937.485</b>	<b>1.808.153.162.330</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	436.076.164.198	344.935.615.565
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(25.940.518.965)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.663.900.292.252</b>	<b>1.463.217.546.765</b>
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		1.575.015.720.730	1.351.359.851.256
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		88.884.571.522	111.857.695.509
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>5.165</b>	<b>4.375</b>



**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Người lập biểu



**Đỗ Thị Hương**  
Kế toán trưởng



**Vũ Thị Mai Hương**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.074.035.937.485</b>	<b>1.808.153.162.330</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.081.436.910.341	986.034.453.378
Các khoản dự phòng	03	113.049.854.079	91.533.634.230
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.611.898.395)	1.125.759.938
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(338.637.718.835)	(256.881.690.006)
Chi phí lãi vay	06	242.652.884.344	210.056.968.511
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.169.925.969.019</b>	<b>2.840.022.288.381</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(149.376.419.346)	(89.652.875.132)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(10.604.315.963)	387.533.845.053
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	728.391.045.412	(218.209.300.690)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	58.244.297.363	(619.976.399.488)
Tiền lãi vay đã trả	14	(266.651.533.130)	(198.511.446.085)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(393.383.073.361)	(329.545.899.768)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	273.300.000	274.700.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(170.658.205.766)	(153.477.136.212)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.966.161.064.228</b>	<b>1.618.457.776.059</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.365.363.912.227)	(1.970.946.480.296)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.319.671.825	38.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.670.371.811.940)	(7.623.812.425.198)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.234.824.616.631	7.242.901.151.980
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	318.750.190.603	269.013.466.249
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.479.841.245.108)</b>	<b>(2.082.806.105.447)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(269.625.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.470.167.158.464	5.470.952.854.357
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.075.033.768.164)	(4.626.339.709.368)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(802.773.659.150)	(373.522.000.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>592.359.731.150</b>	<b>470.821.519.589</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>78.679.550.270</b>	<b>6.473.190.201</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>552.339.512.408</b>	<b>544.515.759.978</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(408.050.677)	1.350.562.229
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>630.611.012.001</b>	<b>552.339.512.408</b>

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Người lập biểu**Đỗ Thị Hương**  
Kế toán trưởng**Vũ Thị Mai Hương**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 27 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 26 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008784 ngày 28 tháng 07 năm 2005. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán UpCom ngày 13 tháng 01 năm 2017 với mã chứng khoán là FOX.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ internet, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 59 đơn vị phụ thuộc, là các chi nhánh Công ty viễn thông các tỉnh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	56,36%	Cung cấp dịch vụ game online, báo điện tử, thanh toán điện tử
Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận (CTTT)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)	Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Thiết bị quản lý	3 - 10
Phương tiện vận tải	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy vi tính, giấy phép bản quyền và quyền khai thác.

Quyền sử dụng đất không thời hạn nên Công ty không thực hiện phân bổ chi phí khấu hao.

Phần mềm máy vi tính, giấy phép bản quyền và quyền khai thác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác, sử dụng, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép bản quyền	3 - 5
Quyền sử dụng dung lượng vĩnh viễn cáp quang Á - Phi - Âu AAE1 (Asia - Africa - Europe 1)	15
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (AAG) và dự án Asia Pacific Gateway (APG)	15

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí triển khai thuê bao, chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí triển khai thuê bao và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước và tiền thuê văn phòng tại Khu chế xuất Tân Thuận cho nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động kinh doanh hàng tháng khi khách hàng sử dụng dịch vụ.

### **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm được trích lập với số tiền không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

*Lãi tiền gửi và lãi từ các khoản đầu tư*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.



## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền mặt	99.197.904	88.003.735
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.614.039.839	139.801.466.469
Các khoản tương đương tiền (*)	550.897.774.258	412.450.042.204
	<b>630.611.012.001</b>	<b>552.339.512.408</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và khoản tiền gửi vào tài khoản tập trung tại Công ty Cổ phần FPT (chi tiết tại Thuyết minh số 32).

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>6.608.757.368.342</b>	<b>6.608.757.368.342</b>	<b>4.173.210.173.033</b>	<b>4.173.210.173.033</b>
a1) Ngắn hạn	6.608.557.368.342	6.608.557.368.342	4.173.210.173.033	4.173.210.173.033
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	6.606.557.368.342	6.606.557.368.342	4.171.210.173.033	4.171.210.173.033
- Các khoản đầu tư khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
a2) Dài hạn	200.000.000	200.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	200.000.000	200.000.000	-	-
	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>9.684.980.000</b>	<b>(3.684.980.000)</b>	<b>9.684.980.000</b>	<b>(3.684.980.000)</b>
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	3.684.980.000	(3.684.980.000)	3.684.980.000	(3.684.980.000)
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các công ty chưa niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào các công ty chưa niêm yết, do đó, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khách hàng ngắn hạn không phải bên liên quan	1.197.817.832.745	1.085.883.500.778
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	13.969.093.526	18.994.830.193
	<b>1.211.786.926.271</b>	<b>1.104.878.330.971</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khách hàng không phải bên liên quan có số dư chiếm hơn 10% tổng số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu	79.479.274.841	63.705.575.419
Các khoản khác	17.864.309.211	21.490.363.560
	<b>97.343.584.052</b>	<b>85.195.938.979</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác ngắn hạn từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>4.521.510.531</b>	<b>4.530.709.985</b>

**8. NỢ XẤU**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khó có khả năng thu hồi</b>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	363.602.124.173	33.895.689.355	283.956.712.613	27.861.724.844
	<b>363.602.124.173</b>	<b>33.895.689.355</b>	<b>283.956.712.613</b>	<b>27.861.724.844</b>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		<b>329.706.434.818</b>		<b>256.094.987.769</b>

Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi thể hiện các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng từ hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên và không có khoản nợ phải thu nào chiếm từ 10% tổng số nợ quá hạn trở lên. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản nợ phải thu trừ đi giá trị dự phòng.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	57.255.955.653	-	81.593.191.380	-
Nguyên liệu, vật liệu	531.744.426.534	(69.717.642.107)	201.087.084.424	(30.279.235.077)
Công cụ, dụng cụ	31.648.408.018	-	42.110.435.852	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	428.200.000	-
Hàng hoá	76.964.987.510	-	361.790.550.096	-
	<b>697.613.777.715</b>	<b>(69.717.642.107)</b>	<b>687.009.461.752</b>	<b>(30.279.235.077)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 69.717.642.107 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 30.279.235.077 VND) đối với các vật tư, thiết bị hạ tầng đã thu hồi chờ thanh lý.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí triển khai thuê bao	346.558.396.435	403.755.987.720
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	97.705.115.276	118.962.684.513
	<b>444.263.511.711</b>	<b>522.718.672.233</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí triển khai thuê bao	951.902.488.768	947.987.826.010
Chi phí thuê văn phòng	226.705.882.348	278.281.033.429
Chi phí trả trước dài hạn khác	283.170.900.751	215.299.549.269
	<b>1.461.779.271.867</b>	<b>1.441.568.408.708</b>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu/được khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.444.092.790	-	-	9.444.092.790
Các loại thuế khác	69.112.405	89.066.707	-	158.179.112
	<b>9.513.205.195</b>	<b>89.066.707</b>	<b>-</b>	<b>9.602.271.902</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	25.320.667.515	1.798.424.062.226	1.785.368.272.325	38.376.457.416
- Thuế GTGT đầu ra	25.320.667.515	1.668.374.243.140	1.655.318.453.239	38.376.457.416
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	130.049.819.086	130.049.819.086	-
Thuế nhập khẩu	-	5.026.301.868	5.026.301.868	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	91.660.487.143	440.531.382.432	393.383.073.361	138.808.796.214
Các loại thuế khác	11.130.903.484	140.054.429.870	141.799.980.533	9.385.352.821
- Thuế thu nhập cá nhân	9.318.537.197	113.317.150.033	117.397.946.340	5.237.740.890
- Thuế nhà thầu	1.812.366.287	26.414.146.589	24.078.900.945	4.147.611.931
- Các khoản phải nộp khác	-	323.133.248	323.133.248	-
	<b>128.112.058.142</b>	<b>2.384.036.176.396</b>	<b>2.325.577.628.087</b>	<b>186.570.606.451</b>



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	170.763.663.887	7.639.750.543.409	284.385.695.000	21.048.323.111	8.115.948.225.407
Tăng trong năm	33.615.670.653	1.505.877.029.952	11.038.168.334	4.091.665.908	1.554.622.534.847
Tăng do mua sắm	-	1.432.141.054.590	4.274.318.045	4.162.190.908	1.440.577.563.543
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.219.183.356	70.898.231.689	-	-	105.117.415.045
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	-	4.640.578.423	-	4.640.578.423
Phân loại lại	(603.512.703)	2.837.743.673	(2.163.705.970)	(70.525.000)	-
Tăng khác	-	-	4.286.977.836	-	4.286.977.836
Giảm trong năm	-	(894.612.890.763)	(42.494.143.207)	(4.732.060.280)	(941.839.094.250)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(60.491.495)	(4.732.060.280)	(4.792.551.775)
Thu hồi nhập kho	-	(894.612.890.763)	(42.433.651.712)	-	(937.046.542.475)
Số dư cuối năm	204.379.334.540	8.251.014.682.598	252.929.720.127	20.407.928.739	8.728.731.666.004
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	52.657.206.953	3.607.702.519.816	272.727.451.281	15.698.466.627	3.948.785.644.677
Tăng trong năm	6.124.984.976	1.001.388.268.775	12.035.029.968	1.723.350.524	1.021.271.634.243
Khấu hao trong năm	8.465.432.422	996.896.578.538	5.397.717.213	1.840.074.540	1.012.599.802.713
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	-	4.640.578.423	-	4.640.578.423
Phân loại lại	(2.340.447.446)	4.491.690.237	(2.034.518.775)	(116.724.016)	-
Tăng khác	-	-	4.031.253.107	-	4.031.253.107
Giảm trong năm	-	(501.175.964.597)	(41.394.852.385)	(3.306.906.751)	(545.877.723.733)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.243.694)	(3.306.906.751)	(3.332.150.445)
Thu hồi nhập kho	-	(501.175.964.597)	(41.369.608.691)	-	(542.545.573.288)
Số dư cuối năm	58.782.191.929	4.107.914.823.994	243.367.628.864	14.114.910.400	4.424.179.555.187
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	118.106.456.934	4.032.048.023.593	11.658.243.719	5.349.856.484	4.167.162.580.730
Tại ngày cuối năm	145.597.142.611	4.143.099.858.604	9.562.091.263	6.293.018.339	4.304.552.110.817

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.666.309 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 1.527.610 triệu VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép bản quyền và quyền khai thác	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	85.975.471.689	728.947.494.886	79.252.293.014	894.175.259.589
Tăng trong năm	2.553.990.000	5.709.746.113	26.677.850.217	34.941.586.330
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(438.477.306)	(438.477.306)
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(4.640.578.423)	(4.640.578.423)
Điều chỉnh khác	-	(264.907.575)	(4.602.661.664)	(4.867.569.239)
Số dư cuối năm	88.529.461.689	734.392.333.424	96.248.425.838	919.170.220.951
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	219.871.392.090	49.667.938.433	269.539.330.523
Khấu hao trong năm	-	51.355.648.668	17.481.458.960	68.837.107.628
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(438.477.306)	(438.477.306)
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(4.640.578.423)	(4.640.578.423)
Điều chỉnh khác	-	(266.723.504)	(3.416.082.089)	(3.682.805.593)
Số dư cuối năm	-	270.960.317.254	58.654.259.575	329.614.576.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	85.975.471.689	509.076.102.796	29.584.354.581	624.635.929.066
Tại ngày cuối năm	88.529.461.689	463.432.016.170	37.594.166.263	589.555.644.122

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 32.318 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 29.833 triệu VND).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trung tâm dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận	121.493.052.372	43.707.574.796
Trung tâm dữ liệu Quận 9	116.111.432.548	26.485.791.986
Hệ thống đường trục Bắc Nam	33.988.289.082	45.058.180.425
Khác	35.852.236.559	12.863.371.023
	<b>307.445.010.561</b>	<b>128.114.918.230</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<b>232.775.845.431</b>	<b>232.775.845.431</b>	<b>15.535.429.042</b>	<b>15.535.429.042</b>
<b>b. Phải trả người bán ngắn hạn không phải bên liên quan</b>	<b>1.345.649.888.170</b>	<b>1.345.649.888.170</b>	<b>1.347.346.147.663</b>	<b>1.347.346.147.663</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	185.731.729.160	185.731.729.160	92.630.617.200	92.630.617.200
Các đối tượng khác	1.159.918.159.010	1.159.918.159.010	1.254.715.530.463	1.254.715.530.463
	<b>1.578.425.733.601</b>	<b>1.578.425.733.601</b>	<b>1.362.881.576.705</b>	<b>1.362.881.576.705</b>

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động viễn thông	1.212.664.763.295	1.300.762.452.613
Các khoản khác	1.772.803.996	1.772.803.986
	<b>1.214.437.567.291</b>	<b>1.302.535.256.599</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động viễn thông	6.064.949.466	5.724.987.341
Các khoản khác	35.012.880.664	36.785.684.749
	<b>41.077.830.130</b>	<b>42.510.672.090</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương cán bộ nhân viên (i)	-	305.922.268.449
Chi phí lãi vay	63.242.642.395	87.241.291.181
Các khoản khác	200.660.665.552	181.070.376.711
	<b>263.903.307.947</b>	<b>574.233.936.341</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư chi phí trích trước lương cán bộ nhân viên được theo dõi trên khoản mục Phải trả người lao động trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.094.116.724	113.446.703.994
Các khoản trích theo lương	18.681.827.091	17.119.922.882
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	548.760.756.133	1.159.204.283
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.277.609.149	23.948.424.200
	<b>748.814.309.097</b>	<b>155.674.255.359</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác ngắn hạn với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)</b>	<b>249.845.764.000</b>	<b>-</b>

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.874.418.646.390	3.874.418.646.390	7.201.563.745.871	5.872.813.013.884	5.203.169.378.377	5.203.169.378.377
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	202.220.754.280	202.220.754.280	323.046.555.009	202.220.754.280	323.046.555.009	323.046.555.009
	<b>4.076.639.400.670</b>	<b>4.076.639.400.670</b>	<b>7.524.610.300.880</b>	<b>6.075.033.768.164</b>	<b>5.526.215.933.386</b>	<b>5.526.215.933.386</b>

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	499.997.472.295	499.997.472.295	268.603.412.593	202.220.754.280	566.380.130.608	566.380.130.608
	<b>499.997.472.295</b>	<b>499.997.472.295</b>	<b>268.603.412.593</b>	<b>202.220.754.280</b>	<b>566.380.130.608</b>	<b>566.380.130.608</b>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	202.220.754.280				323.046.555.009	
- Số phải trả sau 12 tháng	297.776.718.015				243.333.575.599	

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	323.046.555.009	202.220.754.280
Trong năm thứ hai	181.936.503.662	219.443.384.681
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	61.397.071.937	78.333.333.334
	<b>566.380.130.608</b>	<b>499.997.472.295</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay ngắn hạn)	(323.046.555.009)	(202.220.754.280)
Số phải trả sau 12 tháng	<b>243.333.575.599</b>	<b>297.776.718.015</b>

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Công ty mẹ và Nghị quyết ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT - Công ty con của Công ty thông qua kế hoạch năm 2020, trong đó Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích không quá 10% lợi nhuận sau thuế của từng công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT - Công ty con của Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền lần lượt là 150.114.311.379 VND và 20.439.596.847 VND.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.261.597.240.000	20.391.591.930	-	(300.150.000)	389.798.534.033	34.572.210.000	1.038.992.588.448	3.745.052.014.411	376.175.033.244	4.121.227.047.655
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.351.359.851.256	1.351.359.851.256	111.857.695.509	1.463.217.546.765
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	209.803.363.366	-	(209.803.363.366)	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(154.289.782.999)	(154.289.782.999)	(11.185.815.078)	(165.475.598.077)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	226.127.600.000	-	-	-	-	-	(226.127.600.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(226.129.709.000)	(226.129.709.000)	(147.450.591.000)	(373.580.300.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(7.496.743.151)	(7.496.743.151)	(15.191.784.426)	(22.688.527.577)
Số dư đầu năm nay	2.487.724.840.000	20.391.591.930	-	(300.150.000)	599.601.897.399	34.572.210.000	1.566.505.241.188	4.708.495.630.517	314.204.538.249	5.022.700.168.766
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.575.015.838.802	1.575.015.838.802	88.884.571.522	1.663.900.410.324
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	225.171.467.068	-	(225.171.467.068)	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(161.665.416.151)	(161.665.416.151)	(8.888.492.075)	(170.553.908.226)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	248.739.770.000	-	20.819.390.000	-	-	-	(269.559.160.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(1.318.334.276.000)	(1.318.334.276.000)	(32.040.935.000)	(1.350.375.211.000)
Biến động khác	-	71.166.343	34.572.210.000	-	-	(34.572.210.000)	(84.577.853.967)	(84.506.687.624)	(2.909.061.530)	(87.415.749.154)
Số dư cuối năm nay	2.736.464.610.000	20.462.758.273	55.391.600.000	(300.150.000)	824.773.364.467	-	1.082.212.906.804	4.719.005.089.544	359.250.621.166	5.078.255.710.710

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	273.646.461	248.772.484
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>273.646.461</i>	<i>248.772.484</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	30.015	30.015
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.015</i>	<i>30.015</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	273.616.446	248.742.469
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>273.616.446</i>	<i>248.742.469</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

### **Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 26 ngày 27 tháng 8 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 2.736.464.610.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi</b>		<b>Số lượng cổ phiếu tương ứng với vốn đã góp</b>			
			<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	137.285.018	50,17	137.285.018	50,17	124.804.562	50,17
2. Công ty Cổ phần FPT	124.922.882	45,65	124.922.882	45,65	113.566.257	45,65
3. Các cổ đông khác	11.438.561	4,18	11.408.546	4,17	10.371.650	4,17
	<b>273.646.461</b>	<b>100,00</b>	<b>273.616.446</b>	<b>99,99</b>	<b>248.742.469</b>	<b>99,99</b>
Cổ phiếu quỹ	-	-	30.015	0,01	30.015	0,01
	<b>273.646.461</b>	<b>100,00</b>	<b>273.646.461</b>	<b>100,00</b>	<b>248.772.484</b>	<b>100,00</b>

### **Cổ tức**

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Công ty mẹ phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với số tiền là 497.484.938.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.000 VND/cổ phiếu), chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Công ty mẹ phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với số tiền là 273.616.446.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 1.000 VND/cổ phiếu). Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Công ty mẹ phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt với số tiền là 547.232.892.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.000 VND/cổ phiếu). Cổ tức còn phải trả được theo dõi trên chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.



Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT - Công ty con của Công ty phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với số tiền là 73.679.725.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 5.000 VND/cổ phiếu), chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20:5 từ lợi nhuận chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thanh toán số cổ tức trên.

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	9.738.382	6.445.209
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
Việt Nam Đồng (VND)	170.712.469.470	170.875.114.250

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là bán hàng hóa và cung cấp các dịch vụ viễn thông (bao gồm dịch vụ internet, quảng cáo trực tuyến, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ trực tuyến khác). Doanh thu và lợi nhuận từ bán hàng hóa không chiếm trên 10% tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 26.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**25. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	494.190.471.744	646.999.639.355
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.058.012.521.743	9.824.611.198.602
	<b>11.552.202.993.487</b>	<b>10.471.610.837.957</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	(86.048.778.885)	(73.184.080.848)
	<b>(86.048.778.885)</b>	<b>(73.184.080.848)</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.466.154.214.602</b>	<b>10.398.426.757.109</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh 32)	<b>84.604.385.510</b>	<b>78.258.232.482</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	488.508.243.626	584.633.952.471
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.213.136.266.439	4.758.681.131.997
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	39.438.407.030	(922.380.017)
	<b>5.741.082.917.095</b>	<b>5.342.392.704.451</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.306.853.494.575	1.247.348.508.066
Chi phí nhân công	3.347.712.937.795	2.910.534.081.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.081.436.910.341	986.034.453.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.187.366.762.640	2.920.198.917.444
Chi phí khác	577.199.302.062	583.205.309.724
	<b>9.500.569.407.413</b>	<b>8.647.321.269.748</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	338.605.711.422	257.493.956.595
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.663.074.638	9.392.177.496
	<b>354.268.786.060</b>	<b>266.886.134.091</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	242.652.884.344	210.056.968.511
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.018.544.628	5.429.877.998
	<b>255.671.428.972</b>	<b>215.486.846.509</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	419.120.277.856	344.935.615.565
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	16.955.886.342	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>436.076.164.198</b>	<b>344.935.615.565</b>

### **31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)</b>	<b>1.575.015.720.730</b>	<b>1.351.359.851.256</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (VND)	(161.665.416.151)	(154.289.782.999)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.413.350.304.579</b>	<b>1.197.070.068.257</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	273.616.446	273.616.446
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.165</b>	<b>4.375</b>

#### **Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Trong năm, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2019 như sau:

	<b>Số cổ phiếu bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Số trình bày trên báo cáo năm trước</b>	<b>248.742.469</b>	<b>4.812</b>
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành trong năm	24.873.977	(437)
<b>Số đã điều chỉnh</b>	<b>273.616.446</b>	<b>4.375</b>

### **32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)	Cùng Tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần FPT</b>		
Chia cổ tức bằng tiền	619.479.920.000	264.966.644.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	27.016.368.901	23.139.645.835
Mua hàng hóa và dịch vụ	70.739.587.309	306.376.641.520
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	35.706.251.955	33.179.526.958
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.517.737.446	608.328.611
<b>Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	21.881.764.654	21.939.059.689
Mua hàng hóa và dịch vụ	247.546.512.820	31.716.620.381

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.064.190.977</b>	<b>2.152.838.401</b>
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT	1.064.190.977	2.152.838.401
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>13.969.093.526</b>	<b>18.994.830.193</b>
Công ty Cổ phần FPT	6.475.463.133	7.454.344.339
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	4.518.541.537	5.157.304.340
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	2.975.088.856	6.383.181.514
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.521.510.531</b>	<b>4.530.709.985</b>
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	4.521.000.000	4.521.000.000
Công ty Cổ phần FPT	510.531	9.709.985
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>232.775.845.431</b>	<b>15.535.429.042</b>
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	214.052.599.391	168.904.915
Công ty Cổ phần FPT	17.552.429.700	15.366.524.127
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	1.170.816.340	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>249.845.764.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần FPT- Cổ tức phải trả	249.845.764.000	-



**Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác:**

Đơn vị: VND

**Thù lao thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Họ tên	Chức danh	Năm nay
1	Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)	-
2	Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)	-
		Thành viên	-
3	Trương Gia Bình	Thành viên	-
4	Lê Ngọc Diệp	Thành viên	60.000.000
5	Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	-
6	Phạm Công Minh	Thành viên	60.000.000
7	Bùi Quang Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>120.000.000</b>

**Thù lao thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức danh	Năm nay
1	Nguyễn Lương Tâm	Trưởng Ban (bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)	-
2	Lương Quốc Lân	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2020)	-
3	Phan Phương Đạt	Thành viên	-
4	Đỗ Xuân Phúc	Thành viên	24.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>24.000.000</b>

**Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

STT	Họ tên	Chức danh	Năm nay
1	Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc	2.040.000.000
2	Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	1.530.000.000
3	Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.530.000.000
4	Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.530.000.000
5	Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020)	300.000.000
6	Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2020)	1.050.000.000
7	Đỗ Thị Hương	Kế Toán trưởng	1.224.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.204.000.000</b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 548.760.756.133 VND, là số tiền cổ tức đã chốt quyền nhưng chưa được thanh toán (năm 2019: 1.159.204.283 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**Nguyễn Thị Thu Hương**  
**Người lập biểu**



**Đỗ Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**



**Vũ Thị Mai Hương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 04 tháng 03 năm 2021

# DANH BẠ CÔNG TY



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT ELECOM)

### TRỤ SỞ CHÍNH:

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

### VĂN PHÒNG HÀ NỘI:

Tầng 5, Tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch,  
Cầu Giấy, Hà Nội

### VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH:

Lô 37-39A, đường 19, KCX, Q.7, Hồ Chí Minh

**ĐIỆN THOẠI:** (84-24)-7300 2222

**FAX:** (84-24)-37950047

**WEBSITE:** [www.fpt.vn](http://www.fpt.vn)


**FACEBOOK:** [www.facebook/FptTelecom](http://www.facebook/FptTelecom)


# CÔNG TY THÀNH VIÊN


01

## CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT


### Tại Hà Nội:


 Tầng 12A, tòa nhà TNR 54A Nguyễn Chí Thanh,  
Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.


 Điện thoại: (84-24) 7300 2222

 Fax: (84-24) 3726 4648

### Tại TP HCM:

 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận,  
P. Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 2222


 Fax: (84-28) 6297 1197


 Website: [www.fpt-fti.vn](http://www.fpt-fti.vn)


02

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT


### Tại Hà Nội


 Tầng 4-5, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu,  
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.


 Điện thoại: +84 - 4 - 7300 9999

 Fax: +84 - 4 - 7300 9998

### Tại TP HCM:

 Tầng 6-7, Tòa nhà Exchange Tower, số 1 Nam KỶ Khởi  
Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM


 Điện thoại: +84 - 8 - 7300 9999


 Fax: + 84 - 8 - 7300 9998


 Website: <https://fptonline.net/>

03

## CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN


 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận,  
P. Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM


 Điện thoại: (84-28) 7300 2222


 Fax: (84-28) 7300 8889

04

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

 Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Tăng Nhơn  
Phú A, Q9, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 2222

 Fax: (84-28) 7300 8889

# CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

## CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN BẮC

Văn phòng Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Bắc Giang - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số nhà 47, Đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, TP.Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang VN

Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Căn L03, Tòa Nhà Thương Mại V-City, Đường Lê Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh Cao Bằng - Công ty cổ phần viễn thông FPT

Số 008, Phố Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng Việt Nam

Chi nhánh Điện Biên - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

Số 584, đường Võ Nguyên Giáp, tổ 1, P.Tân Thanh, TP.Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Chi Nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

PG02-05 khu nhà liền kề Vincom, đường Châu Cầu, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Số 115 Nguyễn Biểu, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chi nhánh Hải Dương- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số 16+18 Bà Triệu, phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, VN.

Chi nhánh Hải Phòng- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số 20 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Hòa Bình- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Số nhà 313, đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Thành Phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Chi nhánh Hưng Yên- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Bần Yên Nhân, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chi nhánh Lạng Sơn - Công ty cổ phần viễn thông FPT

Số 322 đường Bà Triệu, phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chi Nhánh Lào Cai - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số nhà 228, đường Hoàng Liên, tổ 36, Phường Cốc Lếu, Thành Phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Chi nhánh Nam Định- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Số 6 đường Đông A, Khu đô thị Hòa Vượng, P. Lộc Vượng, TP. Nam Định, T. Nam Định, Việt Nam

Chi nhánh Nghệ An - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số 38 Khu đô thị Trung Đô, Đại Lộ Lê Nin, P. Hưng Dũng, TP.Vinh, T.Nghệ An

Chi Nhánh Ninh Bình - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

SN195, đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, P.Thanh Bình, TP.Ninh Bình, T.Ninh Bình

Chi Nhánh Phú Thọ- Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Tổ 18A, phố Minh Hà, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Chi nhánh Quảng Ninh- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 177 Nguyễn Văn Cừ,Tổ 4 Khu 1B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số nhà 08, đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Thái Bình- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 168 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 46, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, VN
Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số 156 - Lương Ngọc Quyến, Tổ 13, P. Quang Trung, TP Thái Nguyên, T. Thái Nguyên
Chi nhánh Thanh Hóa- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Lô 09 khu nhà ở Thương Mại,Đ. Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, VN
Chi nhánh Tuyên Quang-Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 118 đường Trần Phú, tổ 17, phường Tân Quang, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Vĩnh Phúc- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số nhà 18, Đường Nguyễn Trãi, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Chi nhánh Yên Bái - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 822, Đường Điện Biên, Tổ 47, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

## CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN TRUNG

Chi nhánh Bình Định – Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 94 Đường Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	182-184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Đắk Lắk – Công ty Cổ phần viễn thông FPT	96 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Chi nhánh Gia Lai – Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	67 Tăng Bạt Hổ - P. Yên Đỗ, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Huế - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	46 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Ninh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Khánh Hòa-Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 1,2 tòa nhà 42 Lê Thành Phương, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam
Chi Nhánh Kon Tum - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	128 Phan Chu Trinh - Phường Quyết Thắng - TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum
Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Số A11, Khu đô thị Hưng Phú, đường Trần Phú, phường 5, Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Quảng Bình - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Số 22 Trần Hưng Đạo - P.Đồng Phú - TP.Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình - VN
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	540 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam, VN
Chi nhánh Quảng Ngãi - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	249 Phan Bội Châu - P.Trần Hưng Đạo - TP.Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi - Việt Nam
Chi nhánh Quảng Trị - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 20 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam



## CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN NAM

Chi Nhánh Công ty Cổ Phần  
Viễn Thông FPT

Lô 37-39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân  
Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM, VN

Chi Nhánh An Giang - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên,  
Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chi Nhánh Bạc Liêu - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

43B, Đường Trần Huỳnh, Phường 7, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc  
Liêu, VN

Chi Nhánh Bến Tre - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

285K Khu Phố 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Bến Tre,  
Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chi Nhánh Bình Dương - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Ô 9, 10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, P. Chánh Ng-  
hĩa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chi nhánh Bình Phước - Công  
ty cổ phần viễn thông FPT

498 Quốc Lộ 14, Khu Phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú,  
Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chi Nhánh Bình Thuận - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

07 Tuyên Quang, Phường Bình Hưng, TP Phan Thiết, Tỉnh  
Bình Thuận, Việt Nam

Chi Nhánh Cà Mau - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

55 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau,  
Việt Nam

Chi Nhánh Cần Thơ - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

118 Mậu Thân Phường An Nghiệp, Quận Ninh Kiều, Thành  
Phố Cần Thơ, Việt Nam

Chi Nhánh Đồng Nai - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

196 Hà Huy Giáp, KP1, P Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai

Chi Nhánh Đồng Tháp - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

04 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh  
Đồng Tháp, Việt Nam

Chi Nhánh Hậu Giang - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 10 Ngô Quốc Trị, KV3, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh  
Hậu Giang, Việt Nam

Chi Nhánh Kiên Giang - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, TP Rạch  
Giá, Tỉnh Kiên Giang

Chi Nhánh Lâm Đồng - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

36 Pasteur, Phường 4, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt  
Nam

Chi Nhánh Long An- Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

142 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, T. Long An

Chi Nhánh Ninh Thuận - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 256 Ngô Gia Tự, P. Tấn Tài, TP. Phan Rang - Tháp Chàm,  
Tỉnh Ninh Thuận

Chi Nhánh Sóc Trăng - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

33 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc  
Trăng, Việt Nam

Chi Nhánh Tây Ninh - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 565-567 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 6, Phường  
3, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, VN

Chi Nhánh Tiền Giang - Công  
Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 79 Lý Thường Kiệt, Phường 5, TP. Mỹ Tho,  
Tỉnh Tiền Giang

Chi nhánh Trà Vinh - Công ty  
cổ phần viễn thông FPT

Số 45, Nguyễn Đáng, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà  
Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Chi Nhánh Vĩnh Long - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, Tỉnh  
Vĩnh Long, Việt Nam

Chi Nhánh Vũng Tàu - Công Ty  
Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 186 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh  
Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020